

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vĩnh; ông Lưu Đình Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2023/TLST-HS, ngày 20/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HS, ngày 16/11/2023 đối với các bị cáo:

1- Bùi Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 27/4/1993, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12. Con ông: **Bùi Văn P** - Sinh năm 1966 và bà: **Bùi Thị M** - Sinh năm 1963; Vợ: **Quách Thị K** - sinh năm 1993. Bị cáo có ba con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án: Ngày 26/6/2021 bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 28/02/2022 chấp hành xong hình phạt, tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/10/2015, **Bùi Văn Đ** bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà nội xử phạt 29 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 23/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 23/8/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V**.

2. Bùi Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 05/10/1993, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông: Bùi Văn V - Sinh năm 1976 và bà: Quách Thị V1 - Sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 13/4/2021 bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tính đến ngày phạm tội lần này chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 23/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 23/8/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa:*

Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn Q là ông Phạm Thanh T -Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh S thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Vắng mặt (Ông Phạm Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Q).

Bị hại:

- Bà Tạ Thị N, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- Bà Bùi Thị H; sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Quách Thị T1; sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Đ sinh năm 1993 và Bùi Văn Q sinh năm 1993 đều trú tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là anh em họ với nhau. Trong ngày 26/7/2023 và ngày 14/8/2023 Đ và Q đã cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 26/7/2023, Bùi Văn Đ và Bùi Văn Q đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ, biển số 36D1-21418 từ xã T, T đến thôn N, xã T, T để tìm kiếm người dân có sơ hở trộm cắp tài sản. Q và Đ tiếp tục đi trên đường liên thôn hướng từ thôn N, xã T đến cầu T nối xã T với xã T. Khi đến đầu cầu Thành T2, Q và Đ thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu WISE, biển số 29Y7-1503 của chị Tạ Thị N sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã T, T, Thanh Hóa dừng ở lề

đường sát ruộng mía thuộc khu vực đầu cầu Thành Trục, thấy không có người trông coi nên cùng rủ nhau trộm cắp chiếc xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài. **Đ** đứng ở ngoài cánh giới còn **Q** đi lại chỗ chiếc xe để trộm cắp chiếc xe mô tô này. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô **Đ** và **Q** mang chiếc xe đến bán cho cửa hàng phế liệu của chị **Quách Thị T1** sinh năm 1989, trú tại **thôn T, xã T, T, Thanh Hóa** được số tiền 900.000 đồng. Khi bán chiếc xe mô tô này, chị **T1** có hỏi về nguồn gốc xe thì được **Q** nói là xe của vợ **Q** không sử dụng nữa nên bán phế liệu, chị **T1** tin tưởng và đồng ý mua chiếc xe mô tô nói trên. Số tiền bán chiếc xe mô tô, **Q** và **Đ** sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu WISE màu đỏ - đen, biển số 29Y7-1503 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 900.000 đồng. Trong vụ án này **Bùi Văn Đ** là đối tượng đang có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp **Đ** chưa được xóa án tích nên hành vi của **Đ** đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Đối với **Bùi Văn Q** thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp **Q** chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra **Công an huyện T** đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với **Q** theo quy định của pháp luật.

Đối với chị **Quách Thị T1** là người đã mua chiếc xe trộm cắp của **Đ** và **Q**, khi mua xe chị **T1** không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, Chị **T1** đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cho cơ quan CSĐT để phục vụ điều tra.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ ngày 14/8/2023, **Bùi Văn Đ** và **Bùi Văn Q** đi bộ từ **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** đến **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** để tìm kiếm người dân có sở hữ trộm cắp tài sản. **Q** và **Đ** tiếp tục đi bộ trên đường liên thôn hướng từ **thôn T, xã T, huyện T** đến **xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. Khi đến khu vực chân dốc thuộc **thôn T, xã T, huyện T** thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36E1-17588 của chị **Bùi Thị H** sinh năm 1978, trú tại **thôn T, xã T, huyện T** dựng ở lề đường bên phải theo hướng đi không có người trông coi nên cùng rủ nhau trộm cắp chiếc xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài. **Đ** và **Q** mang chiếc xe mô tô trộm cắp được đến **thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình** mục đích để bán nhưng không bán được. Chị **H** sau khi biết tài sản của mình bị kẻ gian trộm cắp nên đã trình báo đến cơ quan chức năng. Sau khi sự việc xảy ra, biết cơ quan chức năng đang truy tìm tang vật, đối tượng trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên. Xác định không thể lần trốn nên cùng ngày 14/8/2023, **Q** và **Đ** lần lượt đến Cơ quan điều tra **Công an huyện T** để đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân. Khi đầu thú, **Đ** mang theo chiếc xe mô tô trộm cắp được giao nộp cho Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** phục vụ điều tra, giải quyết vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xám- đen- bạc, biển số 36E1-17588 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WISE màu đỏ-đen, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) biển kiểm soát 29Y7-1503.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám- đen- bạc, biển số 36E1-17588, xe cũ đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, cơ CSĐT đã trả:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WISE màu đỏ-đen, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 29Y7-1503 cho chủ sở hữu là chị Tạ Thị N.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám- đen- bạc, biển số 36E1-17588, xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Tạ Thị N, Bùi Thị H đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Chị Quách Thị T1 yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 900.000 đồng mà chị đã bỏ ra mua chiếc xe do các bị cáo trộm cắp được, hiện các bị cáo chưa bồi thường khoản tiền này cho chị T1.

Tại phiên tòa chị Tạ Thị N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng tiền sửa chữa chiếc xe mô tô kiểm soát 29Y7 - 1503 do các bị cáo làm hư hỏng; chị Bùi Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng tiền sửa chữa chiếc xe mô tô tiền kiểm soát 36 E1 - 17588 do các bị cáo làm hư hỏng.

Bị cáo Bùi Văn Đ và bị cáo Bùi Văn Q đồng ý bồi thường số tiền trên nếu chị N và chị H cung cấp đầy đủ căn cứ về sửa xe.

Tại bản cáo trạng số: 103/CT - VKSTT ngày 19/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố Bùi Văn Đ và Bùi Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ; Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Q; Xử phạt Bùi Văn Đ từ 27 (Hai mươi bảy) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó. Xử phạt Bùi Văn Q từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai bốn) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải trả cho chị Quách Thị T1 số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

Tách yêu cầu về bồi thường thiệt hại của chị Bùi Thị H và chị Tạ Thị N, để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi chị N và chị H có yêu cầu vì tại phiên tòa chị N và chị H chưa cung cấp được tài liệu thể hiện phải sửa chữa xe những gì. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là tiền cho các bị cáo Bùi Văn Đ và Bùi Văn Q.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn Đ và Bùi Văn Q theo quy định của pháp luật.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Theo bản luận cứ của trợ giúp pháp lý cho bị cáo Bùi Văn Q là ông Phạm Thanh T thể hiện: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng. Về hình phạt, ông T đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Bùi Văn Q như: Sau khi phạm tội đã đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; bị cáo sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Người trợ giúp pháp lý đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo Bùi Văn Q được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo Bùi Văn Q.

Bị cáo Bùi Văn Q thống nhất như đề nghị của người trợ giúp pháp lý cho mình và không có ý kiến tranh luận gì với kiểm sát viên;

Bị cáo Bùi Văn Đ không có ý kiến tranh luận gì với kiểm sát viên;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận tội và nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có điều kiện học tập, cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện T và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên sáng ngày 26/7/2023, **Bùi Văn Đ** và **Bùi Văn Q** cùng nhau trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu WISE, biển kiểm soát 29Y7-1503 của chị **Tạ Thị N** có giá trị 900.000 đồng, tiếp đó đến sáng ngày 14/8/2023, **Đ** và **Q** cùng nhau trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 36E1-17588 của chị **Bùi Thị H** có giá trị 10.000.000 đ (Mười triệu đồng). Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do **Bùi Văn Đ** và **Bùi Văn Q** thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Do đó cần lên một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo, nhằm giáo dục riêng các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng tiêu thụ tài sản trộm cắp và cùng chi tiêu số tiền do phạm tội mà có được nên có vai trò như nhau.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- + Bị cáo **Bùi Văn Đ** trộm cắp tài sản ngày 26/7/2023 có giá trị 900.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, tại thời điểm ngày 26/7/2023 bị cáo **Đ** thực hiện hành vi trộm cắp khi chưa được xóa án tích nên hành vi của **Đ** đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/8/2023 bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản trị giá 10.000.000đ. Ngày 26/6/2021 **Bùi Văn Đ** bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 28/02/2022 chấp hành xong hình phạt, tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là

phạm tội nhiều lần và tái phạm theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự.

+ Bị cáo **Bùi Văn Q**: Ngày 13/4/2021 bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 11/7/2022 chấp hành xong hình phạt tù, tính đến ngày phạm tội lần này chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” với hành vi phạm tội của mình; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Các bị cáo **Bùi Văn Đ** và **Bùi Văn Q** có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS nhưng các bị cáo đều đã bị xử phạt tù, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo **Bùi Văn Đ** còn phạm tội hai lần. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

nên miễn hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra:

- Chị **Tạ Thị N** đã được trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu WISE màu đỏ - đen, biển kiểm soát 29Y7-1503. Chị **Bùi Thị H** đã được trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám - đen- bạc, biển số 36E1-17588 là đúng quy định của pháp luật.

[9] Tại phiên tòa, chị **Tạ Thị N** yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền sửa chữa chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Y7 - 1503 do các bị cáo làm hư hỏng; chị **Bùi Thị H** yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đ (Một Triệu năm trăm nghìn đồng) tiền sửa chữa chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36 E1 - 17588 do các bị cáo làm hư hỏng. HĐXX thấy: Đến nay Chị **Tạ Thị N**, chị **Bùi Thị H** mới yêu cầu bồi thường tiền sửa xe, tại phiên tòa các chị không cung cấp được hóa đơn, chứng từ thể hiện phải thay thế những phụ tùng gì. Do đó HĐXX không có cơ sở để giải quyết vấn đề bồi thường trong vụ án này, vì vậy giành quyền khởi kiện cho chị **N** và chị **H** trong một vụ án dân sự khác là phù hợp.

[10] Đối với chị **Quách Thị T1**, là người mua lại chiếc xe mà **Đ** và **Q** đã trộm cắp, chị **T1** không biết chiếc xe là tài sản do **Đ** và **Q** phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị **T1** là phù hợp.

[11] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Quách Thị T1** yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 900.000 đồng là số tiền chị **T1** đã bỏ ra mua chiếc xe do các bị cáo trộm cắp được, HĐXX thấy: Khi mua chiếc xe mô tô hiệu WISE màu đỏ - đen, biển kiểm soát 29Y7-1503, chị **T1** không biết đây là tài sản do các bị

cáo trộm cắp, hiện các bị cáo chưa trả khoản tiền này cho chị **T1**, nên cần buộc bị cáo trả số tiền 900.000 đồng cho chị **T1** là phù hợp.

[12] Về án phí: Do bị cáo **Bùi Văn Đ** và bị cáo **Bùi Văn Q** sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo **Q** đã có đơn xin miễn tiền án phí, bị cáo **Đ** xin Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho bị cáo, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 của UBTVQH, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo **Bùi Văn Đ** và bị cáo **Bùi Văn Q**.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn Đ** và bị cáo **Bùi Văn Q** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".
Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Bùi Văn Đ**;
Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Bùi Văn Q**.

Xử phạt: **Bùi Văn Đ** 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 14/8/2023.

Xử phạt: **Bùi Văn Q** 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 14/8/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 585 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo **Bùi Văn Đ**, **Bùi Văn Q**, phải trả cho chị **Quách Thị T1** số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), chia mỗi bị cáo phải trả cho chị **Quách Thị T1** số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi chị **Quách Thị T1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bị cáo **Bùi Văn Đ** và Bị cáo **Bùi Văn Q** phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền các bị cáo phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Tiền sửa xe) cho chị **Tạ Thị N** và chị **Bùi Thị H** khi chị **N** và Chị **H** có yêu cầu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo **Bùi Văn Đ** và bị cáo **Bùi Văn Q**.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo **Bùi Văn Đ**, bị cáo **Bùi Văn Q**, bị hại chị **Tạ Thị N**, chị **Bùi Thị H**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- THAHS công an Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

